

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV CẢNG QUẢNG NINH

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN
BÁN ĐẦU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU
CÔNG TY TNHH MTV CẢNG QUẢNG NINH

TỔ CHỨC ĐẦU GIÁ

CÔNG TY TNHH MTV CẢNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 1 đường Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố
Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

Điện thoại: (84-33) 825624

Fax: (84-33) 826118

TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐẦU GIÁ



SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 2 Phan Chu Trinh – Hoàn Kiếm – Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 3936 0750

Fax: (84,4) 3934 7818

TỔ CHỨC TƯ VẤN



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ
HOÀNG GIA**

Địa chỉ : Số 30 Nguyễn Du, P. Bùi Thị Xuân, Q. Hai Bà Trưng,
Hà Nội

Điện thoại: (04) 3.944.6666

Fax: (04) 3.944.8071



Hà Nội, tháng 4 năm 2014

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG BIỂU	4
CÁC KHÁI NIỆM VÀ THUẬT NGỮ VIẾT TẮT	4
NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN	5
I. GIỚI THIỆU VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA.....	5
1. <i>Khái quát về quá trình thành lập và phát triển của công ty</i>	5
2. <i>Sản phẩm dịch vụ chủ yếu</i>	7
3. <i>Cơ cấu tổ chức Công ty TNHH MTV Cảng Quảng Ninh</i>	7
4. <i>Tổng số lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần</i>	9
5. <i>Giá trị thực tế của doanh nghiệp tại thời điểm 30/9/2013:</i>	9
6. <i>Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp</i>	11
7. <i>Công ty mẹ, Công ty con và các khoản đầu tư tài chính khác</i>	14
Tổng công ty Hàng hải Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên	14
8. <i>Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 3 năm trước khi cổ phần hóa (2011-2013)</i> ..	15
<i>Về trang thiết bị xấp dỡ</i>	18
9. <i>Tình hình sử dụng đất đai</i>	24
10. <i>Những vấn đề cần tiếp tục xử lý</i>	25
II. PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG VÀ KINH DOANH 5 NĂM SAU CỔ PHẦN HÓA....	25
1. <i>Mục tiêu hoạt động sau cổ phần hóa</i>	25
2. <i>Hình thức cổ phần hóa</i>	26
3. <i>Thông tin doanh nghiệp sau cổ phần hóa</i>	26
4. <i>Ngành nghề kinh doanh sau cổ phần hóa</i>	26
5. <i>Cơ cấu tổ chức của Công ty sau khi cổ phần hóa</i>	28
6. <i>Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành</i>	29
7. <i>Định hướng phát triển và phương án đầu tư của doanh nghiệp sau cổ phần hóa</i>	31
8. <i>Các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh 5 năm sau cổ phần hóa</i>	33
III. VỐN ĐIỀU LỆ VÀ CÁC THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN	35
1. <i>Các căn cứ pháp lý của đợt chào bán</i>	35
2. <i>Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ</i>	36
3. <i>Loại cổ phần và phương thức phát hành</i>	37
4. <i>Kế hoạch sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa</i>	38
IV. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG TỚI HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP	

1. <i>Rủi ro về kinh tế</i>	39
2. <i>Rủi ro chính sách và pháp luật</i>	41
3. <i>Rủi ro đặc thù</i>	41
4. <i>Rủi ro của đợt chào bán</i>	41
5. <i>Rủi ro khác</i>	42
V. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	42
1. <i>Ban chỉ đạo cổ phần hóa và doanh nghiệp cổ phần hóa</i>	42
2. <i>Tổ chức tư vấn</i>	42

DANH MỤC BẢNG BIỂU

- Bảng số 1: Tài sản của doanh nghiệp tại thời điểm 30/9/2013
Bảng số 2: Tình hình tài chính, công nợ công ty tại thời điểm 30/9/2013
Bảng số 3: Cơ cấu doanh thu của công ty
Bảng số 4: Sản lượng và cơ cấu hàng hóa từ năm 2011 – 2013
Bảng số 5: Chi phí hoạt động từ năm 2011 – 2013
Bảng số 6: Chỉ tiêu tài chính của công ty từ năm 2009 – 2013
Bảng số 7: Một số hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết
Bảng số 8: Một số chỉ tiêu tài chính và kết quả kinh doanh từ năm 2011 – 2013
Bảng số 9: Tình hình đất đai doanh nghiệp đang sử dụng và phương án sử dụng sau cổ phần hóa
Bảng số 10: Một số chỉ tiêu hoạt động sau cổ phần hóa
Bảng số 11: Kế hoạch hoàn vốn ngân sách

CÁC KHÁI NIỆM VÀ THUẬT NGỮ VIẾT TẮT

TNHH MTV	: Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên
CTCP	: Công ty cổ phần
TMCP	: Thương mại cổ phần
CBCNV	: Cán bộ công nhân viên
CP	: Cổ phần
DT	: Doanh thu
TS	: Tài sản
TSCĐ	: Tài sản cố định
LN	: Lợi nhuận
UBND	: Ủy ban nhân dân
TNMT	: Tài nguyên môi trường
CBNVC	: Cán bộ công nhân viên chức
GTVT	: Giao thông vận tải
SXKD	: Sản xuất kinh doanh
HĐ	: Hợp đồng
DTT	: Doanh thu thuần

NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

I. GIỚI THIỆU VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

1. *Khái quát về quá trình thành lập và phát triển của công ty*

Ngày 29/8/1977, Bộ Giao thông vận tải đã ra Quyết định số 2226/QĐ/TC thành lập Cảng Quảng Ninh và chuyển Công ty Cảng vụ, Hoa tiêu Hòn Gai - Cẩm Phả trực thuộc Cục đường biển về Cảng Quảng Ninh quản lý. Trước đòi hỏi phải có sự chuyển đổi phù hợp về tổ chức bộ máy và cơ chế quản lý của ngành Hàng hải, ngày 06/4/1991, Bộ Giao thông Vận tải đã ra Quyết định tách bộ phận Cảng vụ thuộc Cảng Quảng Ninh ra thành lập Cảng vụ Quảng Ninh với nhiệm vụ quản lý nhà nước về chuyên ngành Hàng hải. Tiếp theo đó ngày 30/9/1991, Liên hiệp Hàng hải Việt Nam cũng có Quyết định tách bộ phận Hoa tiêu ra khỏi Cảng Quảng Ninh để thành lập Công ty Hoa tiêu khu vực III. Ngày 30/8/2007, Cảng Quảng Ninh được chuyển thành Công ty TNHH một thành viên theo Quyết định số 2681/QĐ-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

Một số thông tin chính về doanh nghiệp:

- Tên tiếng Việt: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN CẢNG QUẢNG NINH
- Tên tiếng Anh: QUANG NINH PORT LIMITED LIABILITY COMPANY
- Tên viết tắt tiếng Việt: CẢNG QUẢNG NINH
- Tên viết tắt tiếng Anh: QUANG NINH PORT
- Trụ sở chính: Số 1 đường Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam
- Vốn điều lệ: 246.545.852.649 đồng
- Điện thoại: (84-33) 825624
- Fax: (84-33) 826118
- Website: www.quangninhport.com.vn/

Công ty TNHH MTV Cảng Quảng Ninh hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 5700100231 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 01/04/2008, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 05/06/2013, Công ty TNHH Một thành viên Cảng Quảng Ninh có các ngành nghề đăng ký như sau:

- Bốc xếp hàng hóa

Chi tiết:

Xếp dỡ, bảo quản hàng hóa;

Chuyển tải hàng hóa tại khu vực cảng

(Không bao gồm ngành: bốc xếp hàng hóa cảng hàng không, mã ngành 52245)

- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Sửa chữa máy móc thiết bị;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn gạo;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn tổng hợp;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên kinh doanh;

Chi tiết: Đại lý bán lẻ xăng dầu

- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;

Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ kho bãi (Trừ kinh doanh bất động sản)

- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (loại trừ: Bán buôn thuốc trừ sâu, sang chai, đóng gói và các hóa chất khác theo danh mục nhà nước cấm);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;

Chi tiết: Dịch vụ Hàng hải

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;

Chi tiết:

- *Giao nhận hàng hóa*
- *Kinh doanh dịch vụ Logistics*

(không bao gồm hoạt động dịch vụ hỗ trợ cho vận tải hàng không)

- Đại lý du lịch;
- Điều hành tua du lịch;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch

Kể từ khi thành lập, trong quá trình hoạt động, Công ty TNHH một thành viên Cảng Quảng Ninh luôn hoàn thành các nghĩa vụ đóng góp với Nhà nước: nộp đúng, nộp đủ các loại thuế theo quy định, đóng bảo hiểm xã hội, y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động. Ngoài ra, công ty còn tích cực tham gia đóng góp ủng hộ đồng bào các tỉnh bị thiên tai, bão lụt, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, nạn nhân chất độc da cam, đóng góp ủng hộ Trường Sa, xóa đói giảm nghèo...

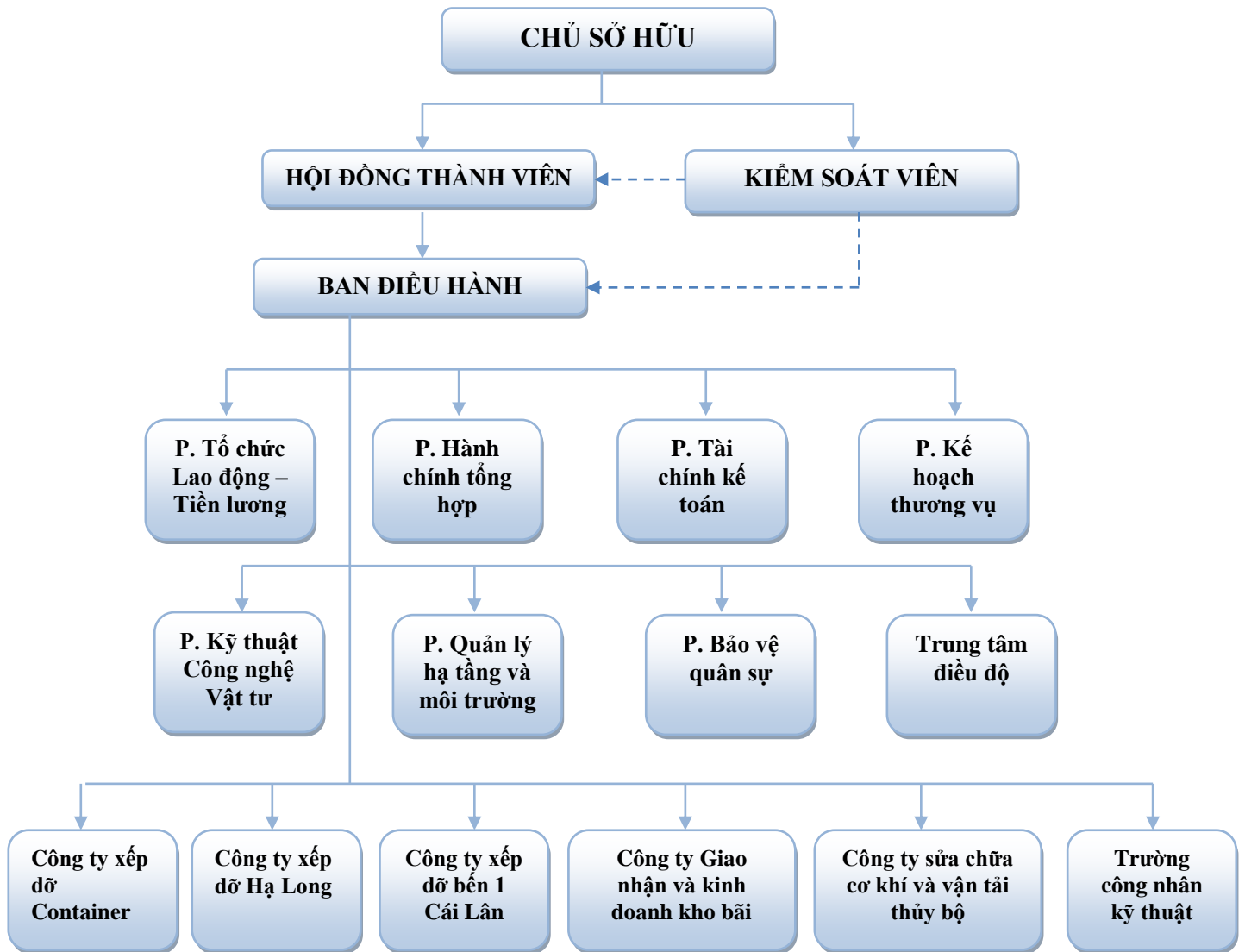
2. Sản phẩm dịch vụ chủ yếu

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh cảng và kho bãi, các dịch vụ chính mà Công ty cung cấp bao gồm:

- Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa,
- Dịch vụ kho bãi,
- Dịch vụ đại lý vận tải và giao nhận hàng hóa,
- Dịch vụ xuất nhập khẩu,
- Vận tải hàng hóa đa phương thức,
- Dịch vụ hàng hải.

3. Cơ cấu tổ chức Công ty TNHH MTV Cảng Quảng Ninh

Công ty TNHH một thành viên Cảng Quảng Ninh hoạt động theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng công ty Hàng hải Việt Nam làm chủ sở hữu.



- Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty: Hội đồng thành viên (05 người), Ban điều hành (05 người), Kế toán trưởng (01 người), Kiểm soát viên (03 người, trong đó 01 kiểm soát viên chuyên trách).

- Bộ máy tham mưu, giúp việc gồm tám (08) phòng nghiệp vụ:

- + Phòng Hành chính tổng hợp;
- + Phòng Tổ chức lao động - Tiền lương;
- + Phòng Tài chính kế toán;
- + Phòng Kế hoạch - Thương vụ;
- + Phòng Kỹ thuật công nghệ - Vật tư;
- + Phòng Bảo vệ - Quân sự;
- + Phòng Quản lý hạ tầng và Môi trường;

- + Trung tâm điều độ.
- Các đơn vị trực thuộc:
 - + Công ty xếp dỡ Conainer;
 - + Công ty xếp dỡ Hạ Long;
 - + Công ty xếp dỡ bến 1 Cái Lân;
 - + Công ty Giao nhận và kinh doanh kho bãi;
 - + Công ty sửa chữa cơ khí và vận tải thủy bộ;
- Trường công nhân kỹ thuật.

4. Tổng số lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần

Tổng số lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần là **894** lao động, chia ra:

- Số lao động có trình độ đại học và trên đại học: 211 lao động
- Số lao động có trình độ cao đẳng, trung cấp: 141 lao động
- Số lao động đã được đào tạo qua các trường công nhân kỹ thuật, dạy nghề: 323 lao động
- Số lao động chưa qua đào tạo: 219 lao động

Chính sách đối với người lao động: Công ty áp dụng các quy định, quy chế, thông lệ trong công tác quản lý phù hợp với Bộ luật Lao động; ký kết hợp đồng lao động nhằm đảm bảo quyền lợi cho người lao động và tuân thủ các chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, khám sức khỏe định kỳ. Ngoài ra, Công ty còn có chính sách khen thưởng, động viên, khuyến khích người lao động nỗ lực cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động và hoàn thành kế hoạch kinh doanh.

5. Giá trị thực tế của doanh nghiệp tại thời điểm 30/9/2013:

Căn cứ Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp (Theo Quyết định số 94/QĐ-HHVN ngày 28/3/2014 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Hàng hải Việt Nam về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Cảng Quảng Ninh),

- Giá trị thực tế doanh nghiệp tại thời điểm 30/09/2013: **622.094.562.956** đồng

(Bằng chữ: Sáu trăm hai mươi hai tỷ, không trăm chín mươi tư triệu năm trăm sáu mươi hai nghìn chín trăm năm mươi sáu đồng)

- Giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm 30/09/2013: **500.499.365.839** đồng

(Bằng chữ: Năm trăm tỷ bốn trăm chín mươi chín triệu ba trăm sáu mươi lăm nghìn tám trăm ba mươi chín đồng)

Tài sản không tính vào giá trị doanh nghiệp

- Tài sản không cần dùng chuyển về công ty mẹ : 0 đồng
- Tài sản chờ thanh lý : 0 đồng
- Tài sản hình thành từ quỹ khen thưởng phúc lợi : 0 đồng

Bảng số 1: Bảng xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 30/9/2013

Chỉ tiêu	Số liệu sổ kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
A. Tài sản đang dùng (I+II+III+IV)	488.284.733.485	622.094.562.956	133.809.829.471
I. TSCĐ và đầu tư dài hạn	325.043.192.200	457.614.343.794	132.571.151.594
1. Tài sản cố định	271.495.352.166	403.517.098.412	132.021.746.246
a. TSCĐ hữu hình	267.977.055.636	399.998.801.882	132.021.746.246
b. TSCĐ vô hình	3.518.296.530	3.518.296.530	-
2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	36.488.398.000	36.938.895.166	450.497.166
3. Chi phí XDCB dở dang	4.550.591.649	4.550.591.649	-
4. Phải thu dài hạn (gồm cả KC, KQ)			-
5. Chi phí trả trước dài hạn	12.508.850.385	12.607.758.567	98.908.182
II. TSLĐ và đầu tư ngắn hạn	163.241.541.285	163.243.314.417	1.773.132
1. Tiền:	4.853.807.325	4.855.580.457	1.773.132
+ Tiền mặt tồn quỹ	1.614.934.805	1.614.934.900	95
+ Tiền gửi ngân hàng	3.238.872.520	3.240.645.557	1.773.037
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-
3. Các khoản phải thu	97.862.584.549	97.862.584.549	-
4. Vật tư hàng hoá tồn kho	52.254.747.205	52.254.747.205	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	8.270.402.206	8.270.402.206	-
6. Chi phí sự nghiệp			
III. Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp	-	1.236.904.745	1.236.904.745
IV. Giá trị quyền sử dụng đất	-	-	-
B. Tài sản không cần dùng	-	-	-
C. Tài sản chờ thanh lý	-	-	-
D. Tài sản hình thành từ quỹ phúc lợi, khen thưởng			
TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP (A + B + C + D)	488.284.733.485	622.094.562.956	133.809.829.471
Trong đó:			

TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ DOANH NGHIỆP (Mục A)	488.284.733.485	622.094.562.956	133.809.829.471
E1. Nợ thực tế phải trả	121.595.197.117	121.595.197.117	-
Trong đó: Giá trị quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng phải nộp NSNN	-	-	-
E2. Nguồn kinh phí sự nghiệp	-	-	-
E3. Chênh lệch tỉ giá giai đoạn đầu tư xdcb			-
E4. Chênh lệch thu chi Ban quản lý dự án			-
E5. Nguồn kinh phí sự nghiệp			-
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP [A-(E1+E2)]	366.689.536.368	500.499.365.839	133.809.829.471

6. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp

6.1 Đất đai

STT	Địa chỉ	Hiện trạng sử dụng đất	Diện tích (m ²)	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
1	Khu đất bến số 1 Công ty TNHH MTV cảng Quảng Ninh tại số 1 đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	Trụ sở làm việc và cơ sở sản xuất kinh doanh	65.617,1	<ul style="list-style-type: none"> - Biên bản bàn giao công trình hoàn thành ngày 25/05/1995 công trình bến số 1 – 10.000DWT cảng Cái Lân. - Công văn số 155/TC/TCDN ngày 15/5/1997 v/v tạm giao vốn công trình bến số 1 cảng Cái Lân của Bộ Tài Chính cho cảng Quảng Ninh. - Thông tư số 154/TCKT ngày 4/6/1998 của Bộ GTVT về việc xét duyệt quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành Bến số 1 – 10.000DWT cảng Cái Lân. - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 5700100231 đăng ký kinh doanh lần đầu 	Đất Nhà nước giao

				ngày 01/4/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 5/6/2013 của công ty TNHH MTV Cảng Quảng Ninh.	
2	Khu đất kho bãi hàng hóa đồi thượng lưu bên 1 Cái Lân, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long (Số 1 đường Cái lân, phường Bãi Cháy, tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh)	Đang hoàn thiện các thủ tục để ký hợp đồng thuê đất	62.403	- Quyết định số 3170/QĐ-UBND ngày 18/11/2013 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc cho công ty TNHH MTV cảng Quảng Ninh thuê đất để làm kho bãi hàng hóa tạm tại phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long. - Biên bản bàn giao đất thực địa ngày 3/12/2013 của TNMT thành phố Hạ Long, UBND phường Bãi Cháy cho công ty TNHH MTV cảng Quảng Ninh với diện tích 62.403 m ² .	Thuê đất đến hết 31/12/2015
3	Khu đất bến số 5,6,7 cảng Cái Lân, phường bãi Cháy, Tp. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	Cơ sở sản xuất kinh doanh	336.821	- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 325361 ngày 1/12/200 của UBND tỉnh Quảng Ninh cấp cho Ban quản lý dự án Hàng hải 1 Bộ giao thông. - Hợp đồng thuê quản lý khai thác kết cấu hạ tầng cảng Cái Lân số 01/HĐT ngày 13/7/2004 giữa Cục hàng hải Việt Nam (bên cho thuê) và Cảng Quảng Ninh (Bên thuê)	Thuê khai thác kết cấu hạ tầng cầu cảng Cái Lân (thuê đến năm 2028)
4	Số nhà 24 – đường Chu Văn An, phường Hòa Lạc, tp Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	Trụ sở làm việc	81	- Quyết định số 1325/QĐ/UB ngày 3/10/1994 của UBND huyện Hải Ninh – tỉnh Quảng Ninh về việc bán nhà và chuyển quyền sử dụng đất cho cảng Quảng Ninh (diện tích đất 81m ² , diện tích sàn sử dụng	Đất Nhà nước giao

				<p>162m² – nhà 02 tầng).</p> <p>- Quyết định số 245/TCKT ngày 13/12/1994 của Cảng Quảng Ninh về việc trích quỹ phúc lợi để mua ngôi nhà 2 tầng 81 m², diện tích sàn 162m² tại thị trấn Móng Cái.</p> <p>- Quyết định số 659/NQ_HHVN ngày 13/3/2014 về việc loại trừ không tính vào giá trị doanh nghiệp tài sản hình thành từ Quỹ phúc lợi của Công ty TNHH MTV Cảng Quảng Ninh.</p>	
--	--	--	--	---	--

6.2 Máy móc, thiết bị, Phương tiện vận tải

Tình hình Máy móc, thiết bị và Phương tiện vận tải tại thời điểm 31/12/2013

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải – truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
Số dư đầu năm	57.000.393.106	136.373.415.468	285.321.877.319	15.163.041.652	493.858.727.545
- Mua trong năm			27.740.088.000	58.074.973	2.798.162.973
- Tặng khác	29.896.377	728.493.183			758.389.560
- Thanh lý, nhượng bán			4.727.883.858		4.727.883.858
- Giảm khác	4.699.912.082	32.931.267.310	10.034.457.248	3.023.718.122	50.689.354.752
Số dư cuối năm	52.330.377.401	104.170.641.341	273.299.624.213	12.197398.513	441.998.041.468
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	26.488.664.835	32.460.801.072	89.068.570.416	8.944.142.350	156.962.178.673
- Khấu hao trong năm	1.944.231.882	7.284.068.392	23.437.672.871	1.942.171.940	34.608.145.085
- Thanh lý, nhượng bán			4.130.066.121.		4.130.066.121

- Giảm khác	2.919.677.483	413.020.595	209.872.924	1.291.874.753	4.834.445.755
Số dư cuối năm	25.513.219.234	39.331.848.869	108.166.304.242	9.594.439.537	182.605.811.882
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình					
- Tại ngày đầu năm	30.511.728.271	103.912.614.396	196.253.306.903	6.218.899.302	336.896.548.872
- Tại ngày cuối năm	26.817.158.167	64.838.792.472	165.133.319.971	2.602.958.976	259.392.229.586

(nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2013)

7. Công ty mẹ, Công ty con và các khoản đầu tư tài chính khác

7.1 Công ty mẹ

Tổng công ty Hàng hải Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên

7.2 Công ty con

Không có

7.3 Các khoản đầu tư tài chính khác

Từ năm 2009 – 2013, Công ty TNHH MTV Cảng Quảng Ninh đã đầu tư góp vốn vào bốn (04) công ty cùng ngành là các công ty cổ phần thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam và một (01) công ty ngoài ngành cụ thể như sau:

- Góp vốn vào Công ty cổ phần Vinalines Logistic: 1.000.000.000 đồng - chiếm 0,7%

- Góp vốn vào Công ty CP Vinalines Đông Bắc: 2.000.000.000 đồng – chiếm 24%

- Góp vốn vào công ty CP đầu tư Cảng Cái Lân. Năm 2007 công ty bắt đầu đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân (CPI) theo quyết định số 587/QĐ-CQN ngày 25/10/2007 của Giám đốc Cảng Quảng Ninh. Tại thời điểm 31/12/2013 vốn góp đầu tư vào CPI là 53.000.000.000 đồng, trong đó vốn góp của CBCNV Cảng là 28.449.400.000 đồng, vốn đầu tư trực tiếp của Cảng là 24.550.600.000 đồng – chiếm 6,73%

- Góp vốn vào Ngân hàng TMCP Hàng hải với vốn góp: 878.160.000 đồng – chiếm 0,011%

- Góp vốn vào Công ty Vietracimex để thực hiện dự án khách sạn Ngôi Sao Hạ Long (văn phòng cũ) số 6 Lê Thánh Tông thành phố Hạ Long với vốn góp 8.059.638.000 đồng.

Lãi cổ tức từ việc đầu tư vào Công ty cổ phần Vinalines Logistic và Ngân hàng hàng hải Việt Nam có nhưng chưa cao từ 5%-10%/năm. Lãi cổ tức từ Công ty Vietracimex chưa có do đang trong quá trình triển khai đầu tư.

8. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 3 năm trước khi cổ phần hóa (2011-2013)

8.1 Giá trị sản phẩm, dịch vụ qua các năm:

Cơ cấu doanh thu của công ty trong 3 năm 2011-2013 như sau:

Bảng số 3: Cơ cấu doanh thu của công ty

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Dịch vụ cung cấp	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013	
		Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
1	Bốc xếp	180.441	71,24	194.689	69,15	126.980	62,48
2	Cầu bến phí	35.254	13,92	41.021	14,57	37.475	18,44
3	Tàu lai	11.072	4,37	11.101	3,94	8.508	4,19
4	Lưu kho bãi	14.165	5,59	18.978	6,74	19.021	9,36
5	Giao nhận	2.664	1,05	3.967	1,41	2.055	1,01
6	Vận tải	6.708	2,65	2.977	1,06	4.335	2,13
10	Dịch vụ khác	2.982	1,18	8.814	3,13	4.874	2,40
Tổng doanh thu		253.286	100,0	281.547	100	203.248	100

(nguồn: Công ty TNHH MTV Cảng Quảng Ninh)

Đóng góp tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu doanh thu của Công ty TNHH MTV Cảng Quảng Ninh là hoạt động bốc xếp – chiếm khoảng 60% - 70% tổng doanh thu của công ty. Mảng bốc xếp cũng là dịch vụ đóng góp tỷ trọng lợi nhuận lớn nhất cho Cảng Quảng Ninh.

Doanh thu năm 2013 sụt giảm do phải cạnh tranh với cảng CICT liền kề với Cảng Quảng Ninh. CICT là cảng được đầu tư rất lớn về cầu bến, trang thiết bị, công nghệ quản lý khai thác hàng container hiện đại hàng đầu thế giới hiện nay. Thực tế, kể từ khi CICT đi vào khai thác (từ cuối năm 2012), CICT đã thu hút hãng tàu container MSC mà cảng Quảng Ninh đang khai thác nhiều năm nay dẫn đến sản lượng hàng và doanh thu của cảng giảm mạnh.

Trong cơ cấu hàng hóa bốc xếp qua cảng của Cảng Quảng Ninh chiếm phần lớn là hàng hóa xuất khẩu – chiếm từ 40% - 60%. Sản lượng hàng hóa thông qua cảng dưới hình thức nhập khẩu hay hàng hóa nội địa chiếm khoảng 20% - 30%.

Bảng số 4: Sản lượng và cơ cấu hàng hóa từ năm 2011 – 2013

Chỉ tiêu	ĐVT	2011	2012	2013
Tổng sản lượng	Tấn	7.257.951	7.184.720	6.000.000
Xuất khẩu	Tấn	3.384.379	2.891.517	3.705.000
<i>Tỷ trọng hàng xuất khẩu</i>	%	47	40	62
Nhập khẩu	Tấn	1.917.966	2.146.368	1.210.000
<i>Tỷ trọng hàng nhập khẩu</i>	%	26	30	20
Nội địa	Tấn	1.955.606	2.146.835	1.085.000
<i>Tỷ trọng hàng nội địa</i>	%	27	30	18

(nguồn: Công ty TNHH MTV Cảng Quảng Ninh)

8.2 Nguyên vật liệu

Do đặc thù kinh doanh khai thác cảng, khai thác kho bãi, nguyên vật liệu chính của Công ty là xăng dầu. Trong năm 2013, giá xăng dầu đã trải qua nhiều lần tăng vọt và giảm nhỏ giọt. Cụ thể giá xăng dầu bán lẻ đã có tới 8 lần điều chỉnh, gồm 4 lần tăng và 4 lần giảm. Tuy nhiên cuối năm, giá xăng vẫn cao hơn ngày đầu năm 1.120đ/lít, giá dầu diesel 0,05s tăng thêm 760đ/lít lên mức 22.310đ/lít. Để hạn chế sự biến động của nguồn cung cấp nguyên vật liệu này, công ty lựa chọn nhiều đơn vị kinh doanh xăng dầu trong nước. Nhờ dự báo và quản lý chi phí nên tuy giá xăng dầu có nhiều biến động nhưng công ty vẫn duy trì được tỷ trọng giá vốn hàng trên doanh thu khá ổn định.

8.3 Chi phí sản xuất

Bảng số 5: Chi phí hoạt động từ năm 2011 – 2013

Khoản mục	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013	
	Giá trị (Triệu đồng)	% DTT	Giá trị (Triệu đồng)	% DTT	Giá trị (Triệu đồng)	% DTT
Giá vốn hàng bán	211.516	83,51%	235.515	82,58%	174.592	85,90%
Chi phí bán hàng	-		-		-	
Chi phí quản lý doanh nghiệp	24.451	9,65%	24.062	8,43%	16.329	8,03%
Chi phí tài chính	9.035	3,57%	20.001	7,01%	13.462	6,62%

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2011 – 2013)

Chiếm tỷ trọng lớn nhất trong chi phí hoạt động của công ty là Giá vốn hàng bán – chiếm khoảng 80% - 85% tổng doanh thu thuần, Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm từ 8% - 10%, chi phí tài chính chiếm 3,5% - 7% và Công ty không có các chi phí bán hàng (do công ty chưa phát sinh chi phí để phục vụ việc tìm kiếm, phát triển khách hàng). Trong giai đoạn từ năm 2011 – 2013, Chi phí Giá vốn hàng bán giảm về giá trị tuyệt đối tương ứng với mức giảm doanh thu (thể hiện ở tỷ trọng trên doanh thu không biến động nhiều). Điều này cho thấy doanh nghiệp có nguồn cung cấp nguyên liệu ổn định. Tỷ trọng chi phí quản lý doanh nghiệp trên doanh thu có xu hướng giảm dần cho thấy công ty đang cắt giảm chi phí nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty. Dự kiến sau cổ phần hóa, công ty sẽ tiếp tục tái cấu trúc cơ cấu tổ chức công ty một cách hợp lý, hình thành mô hình tăng trưởng ổn định theo chiều sâu, nâng cao hiệu quả và năng lực cạnh tranh của công ty.

Từ năm 2011 tới năm 2013, công ty sử dụng thêm công cụ nợ phục vụ việc mua sắm tài sản và xây dựng cơ bản để tăng hiệu quả sử dụng vốn. Do nợ vay có xu hướng tăng lên dẫn tới chi phí tài chính cũng tăng từ năm 2011 tới năm 2013. Tuy vậy tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu của Công ty vẫn duy trì ở mức thấp và khả năng thanh toán của công ty vẫn luôn trên 1.

Bảng số 6: Chỉ tiêu tài chính của công ty từ năm 2011 – 2013

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
Nợ phải trả, trong đó:	121.031	134.562	119.936
- Nợ ngắn hạn	65.341	58.088	79.950
- Nợ dài hạn	55.690	76.474	39.986
Vốn chủ sở hữu	405.070	409.032	367.853
Hệ số khả năng thanh toán hiện thời	2,02	2,8	2,00
Hệ số khả năng thanh toán nhanh	1,49	1,95	1,38
Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	0,30	0,33	0,33
Hệ số nợ vay/Vốn chủ sở hữu	0,18	0,19	0,21

(nguồn: BCTC kiểm toán năm 2011-2013)

8.4 Trình độ công nghệ

Từ năm 1996, Công ty được nhà nước giao cho quản lý khai thác Bến số 01 và từ tháng 04/2004 được nhà nước cho thuê, quản lý khai thác các bến số 5, 6, 7 Cảng Cái Lân. Đây là một trong những cảng nước sâu với các trang thiết bị, kho bãi, cầu bến và hệ

thông quản lý hiện đại nhất trong cả nước, luồng vào Cảng có độ sâu lớn, hàng năm ít sa bồi rất thuận tiện cho các tàu, đặc biệt là những tàu có trọng tải lớn đến 40.000 tấn (DWT) có thể ra vào xếp dỡ hàng hóa, sửa chữa, tránh bão và làm các dịch vụ khác mà không phải chờ thủy triều. Bên cạnh đó là hệ thống quản lý, khai thác container tiên tiến sánh ngang với các nước phát triển khu vực.

+ Luồng vào cảng

- + Tổng chiều dài là 36km, bao gồm 2 đoạn:
 - o Từ phao số 0 đến Hòn Một dài 25,5 km, rộng 300 – 400m, sâu: -13 đến -20m.
 - o Từ Hòn Một đến bến Cảng Cái Lân dài 10,5km, rộng 130m, sâu: -10m.
- + Chế độ thủy triều: Nhật triều thuận nhất
- + Chênh lệch bình quân: 3,2 m
- + Cỡ tàu lớn nhất tiếp nhận được 75.000 DWT

+ Cầu bến: bao gồm 5 bến, bến 1,5,6,7 và bến phụ:

- + **Bến số 1:** Chiều dài 166m, cao trình bến +5m, độ sâu trước bến -9m tiếp nhận được tàu có trọng tải 25.000 DWT với mớn nước của tàu không quá 8,6m.
- + **Các bến số 5,6,7:** Tổng chiều dài 680m, cao trình bến +5,2m, độ sâu trước bến -12m, tiếp nhận được tàu có trọng tải 40.000 đến 45.000 DWT.
- + **Bến phụ phía thượng lưu bến 1 Cái Lân:** Chiều dài 80m, cao trình bến +5m, độ sâu trước bến -5m, tiếp nhận tàu có trọng tải 1.000 đến 1.500 DWT.

+ Tổng diện tích kho là 10.000 m² (02 kho), trong đó:

- + Kho CFS: 4.600 m²
- + Kho chứa hàng tổng hợp: 5.400 m²

+ Tổng diện tích bãi chứa hàng của 5 bến là 142.000 m², trong đó:

- + Bãi container chuyên dụng tại bến 7: 49.000 m²
- + Bãi chứa hàng khác: 93.000 m², trong đó:
 - o Bến số 6: 52.000 m²
 - o Bến số 5: 26.000 m²
 - o Bến 1 và bến phụ: 15.000 m²

Cùng các hệ thống nhà xưởng, trạm nhiên liệu, văn phòng điều hành, đường giao thông, nhà để xe, trạm xử lý nước thải, trạm điện, công trình phụ trợ khác...

Về trang thiết bị xếp dỡ

+ Tuyên tiên phương

- + 02 cầu giàn gantry crane, sức nâng 40 tấn, tầm với 37 m, cao độ nâng 31m;
- + 01 cầu bờ di động Liebherr LHM 250, sức nâng 64 tấn;
- + 01 cầu bờ di động Liebherr LHM 1300, sức nâng 100 tấn;
- + 02 cầu chân đế Liebherr sức nâng 40 tấn/chiếc;
- + 02 cầu chân đế, sức nâng 10 tấn/chiếc;
- + 07 cầu bánh lốp di động bao gồm:
 - o 03 cầu 14 tấn
 - o 02 cầu 25 tấn
 - o 01 cầu sức nâng 50 tấn
 - o 01 cầu sức nâng 36 tấn

+ Tuyên hậu phương

- + 04 cầu khung ôm bánh lốp chuyên dụng, sức nâng 50 tấn xếp container tại bãi. Khả năng xếp dỡ (5+1) và (7+1);
- + Xe nâng: 30 chiếc, sức nâng từ 1,5 đến 8 tấn phục vụ cho đóng rút hàng trong container và vận chuyển hàng khác;
- + Đầu kéo: 13 chiếc phục vụ chở hàng từ cầu tàu vào kho bãi và ngược lại;
- + Cầu cân: 05 chiếc, tải trọng 65 đến 80 tấn;
- + Xe gạt dưới hầm tàu: 08 chiếc;
- + Ngoạm xếp dỡ hàng rời, ngoạm hoa thị: 65 chiếc, dung tích từ 1,25m³ đến 25 m³;
- + Phễu đóng hàng rời dung tích 30 - 50 m³: 5 chiếc;
- + Xe xúc lật: 06 chiếc, xe cuốc đào: 07 chiếc phục vụ đánh tủy, san hàng dưới hầm tàu;
- + 02 xe nâng vỏ container sức nâng 8 tấn/chiếc, xếp cao 5 tầng;
- + Tàu lai phục vụ tàu ra vào cầu: 02 chiếc công suất 3.200 CV và 1.200 CV;
Tàu đưa đón CBCNV 04 chiếc (K42, HC12, ca nô 23 và xuồng cao tốc);

8.5 Tình hình nghiên cứu sản phẩm mới

Nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, Công ty luôn quan tâm đến việc nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới. Cảng Quảng Ninh xác định việc đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng theo hướng đồng bộ, hiện đại chính là điểm mấu chốt. Tiếp đến là đầu tư ứng dụng sâu, rộng công nghệ thông tin và hệ thống trao đổi dữ liệu điện tử trong quản lý, khai thác cảng phục vụ cho yêu cầu hội nhập quốc tế. Song song đó, Cảng cũng đang nghiên cứu,

đề xuất bổ sung quy hoạch phát triển xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật để phát triển dịch vụ logistics nhằm khai thác tốt lợi thế của Cảng.

8.6 Tình hình kiểm tra chất lượng dịch vụ

Hệ thống quản lý, điều hành của Cảng Quảng Ninh đặt mục tiêu “ UY TÍN – CHẤT LƯỢNG – AN TOÀN – PHÁT TRIỂN”. Vấn đề chất lượng sản phẩm và dịch vụ cung cấp luôn được Công ty ưu tiên đặt lên hàng đầu. Công ty luôn giữ mối liên hệ chặt chẽ với khách hàng nhằm đảm bảo chất lượng dịch vụ cung cấp và đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng. Cảng Quảng Ninh cũng thường xuyên cải tiến, hoàn thiện quy trình quản lý chất lượng, cải tiến, tinh giản các thủ tục hành chính để tiết kiệm thời gian và chi phí, đồng thời giúp quá trình quản lý, điều hành sản xuất được chặt chẽ, thông suốt, giữ vững uy tín đối với khách hàng

8.7 Hoạt động marketing

Nhờ chất lượng dịch vụ, năng suất cao, giải phóng tàu nhanh mà hiện nay thương hiệu Cảng Quảng Ninh đã được nhiều chủ hàng, chủ tàu trong nước và quốc tế biết đến. Cùng với việc đẩy mạnh hoạt động thu hút hàng hóa, đặc biệt là thị trường hàng hóa nội địa; chủ động tìm kiếm khách hàng mới, Cảng Quảng Ninh còn tăng cường phát huy nội lực, liên tục đầu tư nhiều phương tiện thiết bị mới, cải tiến công nghệ nhằm tăng năng suất lao động cũng như chất lượng sản phẩm, dịch vụ, đảm bảo an toàn hàng hóa cho khách hàng.

8.8 Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Không có

8.9 Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã được ký kết.

Bảng số 7: Một số hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết

Stt	Khách hàng	Ngày ký	Loại hàng	Nội dung hợp đồng	Sản lượng hàng hóa qua cảng theo HĐ
HỢP ĐỒNG DÀI HẠN					
1	Công ty TNHH Thép đặc biệt Shengli Việt Nam	17/12/2008	Sắt thép phế liệu	HĐ bốc xếp, lưu bãi sắt thép phế liệu	20 năm 500.000 tấn/năm
2	CTCP tập đoàn Quang	01/01/2011	Hàng nông	HĐ xếp dỡ hàng	20 năm

	Minh		sản	nông sản	300.000 tấn/năm
3	Công ty TNHH Huang Brothers	22/11/2011	Đá vôi	HĐ nguyên tắc bốc xếp hàng đá vôi	15 năm 300.000 – 500.000 tấn/năm
4	Tập đoàn Bunge	12/01/2010	Hàng nông sản	HĐ xếp dỡ, lưu kho hàng nông sản	10 năm 350.000 tấn/năm
HỢP ĐỒNG THỜI HẠN 1 NĂM					
5	CTCP đại lý hàng hải VN – Chi nhánh QN	31/12/2013	Nhiều loại hàng	HĐ nguyên tắc dịch vụ cảng biển	
6	CTCP đầu tư cảng Cái Lân	31/3/2014	Nhiều loại hàng	HĐ nguyên tắc dịch vụ cảng biển	
7	Công ty PT. Vietmindo Energitama	02/01/2014	Than	HĐ giao nhận, vận chuyển và bốc xếp than xuất khẩu	500.000 tấn/năm
8	Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam	Đang xin gia hạn HĐ	Quặng apatit	HĐ bốc xếp hàng quặng Apatit	400.000 tấn/năm
9	Công ty TNHH sản xuất nguyên liệu giấy Việt Nhật Cái Lân	31/3/2014	Dăm gỗ xuất khẩu	HĐ xếp dỡ hàng dăm gỗ	200.000 tấn/năm
10	Công ty chế biến và xuất nhập khẩu dăm mảnh	1/3/2014	Dăm gỗ	HĐ xếp dỡ hàng dăm gỗ	200.000 tấn/năm
11	CTCP cảng Thái Hưng	5/9/2013	Dăm gỗ	HĐ xếp dỡ hàng dăm gỗ	360.000 tấn/năm
12	Công ty TNHH chế biến lâm sản dăm gỗ Vina	Đang xin gia hạn HĐ	Dăm gỗ	HĐ xếp dỡ hàng dăm gỗ	250.000 tấn/năm
13	CTCP Thương mại Lương Sơn	22/10/2013	Dăm gỗ	HĐ xếp dỡ hàng dăm gỗ	5 năm 500.000 tấn/năm
14	CTCP Container Việt Nam Viconship	02/01/2014	Container	HĐ xếp dỡ container	2.000 teus/năm
15	Công ty TNHH Vận tải – thương mại Trung Thành	03/01/2014	Hàng nông sản	HĐ xếp dỡ, đóng bao, lưu kho hàng nông sản	300.000 tấn/năm
16	Cty TNHH DVNN Văn Sơn	8/1/2014	Hàng nông sản	HĐ xếp dỡ, đóng bao, lưu kho hàng nông sản	200.000 tấn/năm
17	CTCP hóa chất Tân Long	2/1/2014	Hàng nông sản	HĐ xếp dỡ, đóng bao, lưu kho hàng nông sản	250.000 tấn/năm
18	CTCP tập đoàn Dabaco Việt Nam	10/1/2014	Hàng nông sản	HĐ xếp dỡ, đóng bao, lưu kho hàng nông sản	300.000 tấn/năm
19	Chi nhánh CTCP Việt Pháp SX TĂGS Proconco Hải Phòng	6/1/2014	Hàng nông sản	HĐ xếp dỡ, đóng bao, lưu kho hàng nông sản	200.000 tấn/năm

20	CTCP Xuất nhập khẩu Hà Anh	16/12/2013	Phân bón	HỆ bốc xếp, đóng bao, lưu kho bãi hàng phân bón	200.000 tấn/năm
21	Công ty TNHH NYK Line VN Công ty TNHH K'LINE	20/12/2013	Ô tô, thiết bị tự di chuyển	HỆDV xếp dỡ hàng trên tàu Roro	1.800 xe/năm
22	Cty TNHH SX Bột mỳ Vimaflour	16/12/2013	Lúa mỳ, hạt mạch	HỆ xếp dỡ hàng lúa mỳ	200.000 tấn/năm
23	Công ty TNHH Dầu thực vật Cái Lân	1/1/2014	Dầu thực vật	HỆDV hàng dầu thực vật thông qua cảng	200.000 tấn/năm
24	CTCP đầu tư xây dựng và thương mại QT	23/12/2013	Nhựa đường	HỆ DV hàng nhựa đường thông qua cảng	

(nguồn: Công ty TNHH MTV Cảng Quảng Ninh)

Ngoài ra, Cảng Quảng Ninh đã đạt thỏa thuận cam kết tiếp tục đưa hàng thông qua cảng với các Tập đoàn cung cấp thức ăn gia súc lớn trên thế giới như: Sojizt, Peter Cremer, Maru Beni, Toepfer, Vitol, CPS Grain, Cargill,... Các hãng tàu container NYK, Maersk line, CMA – CGM, APL, Vinconship, Vinalines Container, Biển Đông.

8.10 Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh 3 năm trước cổ phần hóa

Bảng số 8: Một số chỉ tiêu tài chính và kết quả kinh doanh từ năm 2011 – 2013

Chỉ tiêu	ĐVT	2011	2012	2013
1. Tổng giá trị tài sản	Triệu đồng	526.101	543.594	487.790
2. Vốn nhà nước theo sổ sách kế toán	Triệu đồng	405.070	409.032	367.853
3. Nợ vay ngắn hạn	Triệu đồng	65.341	58.088	79.950
Trong đó, nợ quá hạn		0	0	0
4. Nợ vay dài hạn	Triệu đồng	55.690	76.474	39.987
Trong đó, nợ quá hạn		0	0	0
5. Nợ phải thu khó đòi	Triệu đồng	539	1.039	1.521
6. Tổng số lao động (bình quân)	người	1.005	1.020	1.002
7. Tổng quỹ lương	Triệu đồng	94.960	106.937	69.104
8. Tiền lương bình quân 1 người/tháng	đồng/người	7.900.000	8.800.000	6.000.000
9. Tổng doanh thu	Triệu đồng	262.018	290.575	207.124
10. Tổng chi phí	Triệu đồng	253.804	280.072	204.996

11. Lợi nhuận thực hiện	Triệu đồng	8.214	10.504	2.128
12. Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	6.174	7.949	1.596
13. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn nhà nước	%	1,52%	1,94%	0,43%

(nguồn: Công ty TNHH MTV Cảng Quảng Ninh)

8.11 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh

- Đối với Cảng Quảng Ninh, những năm qua thực sự là giai đoạn đầy khó khăn thử thách nhất với Cảng kể từ trước đây. Hậu quả của cơn lốc xoáy ngày 21/11/2006 đã làm hỏng toàn bộ trang thiết bị tuyến tiền phương của Cảng. Ngoài ra còn một số các hạng mục như nhà kho, bến bãi, văn phòng nhà xưởng cũng bị ảnh hưởng của cơn lốc và bị xuống cấp theo thời gian.

Đứng trước những khó khăn thử thách nêu trên, trên cơ sở phân tích thị trường hàng hóa và các hợp đồng dài hạn ký kết với khách hàng với nguồn vốn chủ yếu là vốn bảo hiểm bồi thường các trang thiết bị hỏng, Cảng đã tập trung tái đầu tư những hạng mục, trang thiết bị thực sự cần thiết cho sản xuất kinh doanh như: cầu giàn xếp dỡ container, cầu chân đế, cầu bờ di động, xe nâng hàng, xe gạt hầm tàu, xe xúc lật, xe cuốc đào...

Kết quả của sự đầu tư đúng đắn, nhanh chóng và hợp lý, đến cuối năm 2008 cảng đã cơ bản ổn định sản xuất kinh doanh, sản lượng hàng hóa thông qua cảng đã có sự tăng trưởng trở lại, thu nhập việc làm của cán bộ CNVC đã được giữ vững và ổn định.

- Thêm vào đó, tình hình cạnh tranh trong lĩnh vực cảng cũng là một thách thức với Công ty. Trước đây, Cảng Quảng Ninh chỉ chịu sức ép cạnh tranh với khu vực Hải Phòng, nhưng từ cuối năm 2012 Cảng Quảng Ninh còn phải chịu sự chia sẻ, cạnh tranh trực tiếp với cảng CICT liền kề. Đây là cảng được đầu tư rất lớn về cầu bến, trang thiết bị, công nghệ quản lý khai thác hàng container hiện đại hàng đầu thế giới hiện nay. Thực tế, kể từ khi cảng CICT đi vào khai thác, CICT đã thu hút hãng tàu container MSC mà Cảng Quảng Ninh đang khai thác nhiều năm nay dẫn đến sản lượng hàng và doanh thu của Cảng giảm mạnh. Do vậy, để có thể đảm bảo giữ được các khách hàng truyền thống và tiếp tục khai thác các khách hàng mới trong điều kiện hiện nay và trong thời gian tới, Công ty cần phải xây dựng cho mình một chiến lược phát triển kinh doanh phù hợp trên cơ sở có chính sách thu hút khách hàng hợp lý, sắp xếp cơ cấu lại bộ máy quản lý, điều hành nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh dịch vụ cảng biển.

Mặc dù còn gặp nhiều khó khăn, trong giai đoạn 2009 – 2013, với sự phấn đấu, nỗ lực của tập thể lãnh đạo và toàn thể CBCNV trong toàn Cảng. Cảng Quảng Ninh đã giữ

được tốc độ tăng trưởng, sản lượng hàng hóa thông qua và doanh thu tăng trưởng đều đặn, hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế - xã hội được cấp trên giao, việc làm và đời sống CBCNV được ổn định. Song bên cạnh đó, Cảng cũng đã rút ra được những bài học kinh nghiệm quý giá về công tác quản lý hoạt động khai thác cảng; công tác đầu tư, mua sắm trang thiết bị; công tác tuyển dụng lao động kỹ thuật có trình độ đại học... từ đó làm cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch phát triển cảng trong giai đoạn tới.

9. Tình hình sử dụng đất đai

Theo Quyết định số 1694/UBND-TM3 ngày 08/4/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về Phương án sắp xếp, xử lý nhà, đất của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, Phương án sử dụng đất của Công ty sau khi cổ phần hóa như sau:

Bảng số 9: Tình hình đất đai doanh nghiệp đang sử dụng và phương án sử dụng sau cổ phần hóa

Stt	Địa chỉ	Hiện trạng sử dụng đất	Diện tích (m²)	Phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa
1	Khu đất bên số 1 cảng Cái Lân, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	Nhà nước giao làm trụ sở làm việc và cơ sở sản xuất kinh doanh	65.617,1	Thuê làm trụ sở làm việc và cơ sở sản xuất kinh doanh
2	Khu đất kho bãi hàng hóa đòi thượng lưu bên 1 Cái Lân, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long (Số 1 đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh)	Đang thuê làm kho bãi	62.403	Tiếp tục thuê đất để làm kho bãi hàng hóa
3	Khu đất bên số 5,6,7 cảng Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tp. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	Đang Thuê khai thác kết cấu hạ tầng cầu cảng Cái Lân làm cơ sở sản xuất kinh doanh	336.821	Tiếp tục thuê đất để làm cơ sở sản xuất kinh doanh
4	Số nhà 24 – đường Chu Văn	Trụ sở làm việc	81	Bàn giao cho tổ

	An, phường Hòa Lạc, tp Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh			chức công đoàn công ty quản lý, sử dụng (*)
--	--	--	--	---

(nguồn: Công ty TNHH MTV Cảng Quảng Ninh)

(): ngày 13/3/2014 Hội đồng thành viên Tổng công ty Hàng hải Việt Nam có Nghị quyết số 659/NQ_HHVN về việc bàn giao tài sản là số nhà 24 – phố Chu Văn An, phường Hòa Lạc, Tp Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh cho tổ chức công đoàn công ty quản lý, sử dụng phục vụ cán bộ nhân viên.*

10. Những vấn đề cần tiếp tục xử lý

Về việc tiếp tục thuê kết cấu hạ tầng các cầu cảng số 5, 6 và số 7 bên cảng Cái Lân tỉnh Quảng Ninh: Ngày 31/3/2014, Văn phòng chính phủ đã có Công văn số 2108/VPCP-KTN đồng ý về mặt nguyên tắc Phương án cho Công ty thuê kết cấu hạ tầng các cầu cảng số 5, 6 và số 7 bên cảng Cái Lân tỉnh Quảng Ninh; Ngày 16/4/2014, Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải đã ra Quyết định số 1390/QĐ-BGTVT về việc phê duyệt phương án cho thuê quản lý khai thác kết cấu hạ tầng cầu cảng số 5, 6, 7 bên cảng Cái Lân, tỉnh Quảng Ninh. Như vậy, việc tiếp theo trong thời gian tới (dự kiến quý II năm 2014), Cảng Quảng Ninh cùng với Cục Hàng hải Việt Nam thống nhất ký hợp đồng thuê kết cấu hạ tầng các cầu cảng số 5, 6 và số 7 bên cảng Cái Lân, tỉnh Quảng Ninh.

II. PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG VÀ KINH DOANH 5 NĂM SAU CỔ PHẦN HÓA

1. Mục tiêu hoạt động sau cổ phần hóa

Khi hội nhập vào nền kinh tế thế giới, các doanh nghiệp Việt Nam, trong đó có các doanh nghiệp khai thác cảng biển sẽ tham gia vào một sân chơi mới với sự cạnh tranh bình đẳng mà ở đó sẽ không còn sự ưu đãi hay bảo hộ nào. Các đối thủ mới với tiềm lực mạnh về tài chính, công nghệ và năng lực cạnh tranh cao thực sự là một thách thức lớn đối với các doanh nghiệp Việt Nam khi chưa có kinh nghiệm trong sân chơi mới này. Một trong những mặt yếu kém nổi bật là các doanh nghiệp cảng biển Việt Nam là chưa thực sự đổi mới tư duy trong quản lý và tổ chức. Bởi vậy, việc sắp xếp, tổ chức lại hệ thống quản trị doanh nghiệp, hệ thống sản xuất, hệ thống tài chính một cách toàn diện, theo quy trình chuẩn sẽ tạo cho doanh nghiệp có khả năng để thực hiện những công việc của mình một cách hiệu quả và bền vững, tạo lợi thế cạnh tranh bền vững, nâng cao vị thế trên trường trong nước và quốc tế.

Thực hiện Quyết định số 276/QĐ-TTg ngày 04/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án tái cơ cấu Tổng công ty Hàng hải Việt Nam giai đoạn 2011 – 2015, Công ty TNHH Một thành viên Cảng Quảng Ninh sau khi xem xét, đánh giá lại thực trạng tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của mình đã xác định mục tiêu hoạt động sau khi cổ

phần hóa như sau: Sau khi cổ phần hóa, mục tiêu quan trọng nhất của Công ty là xây dựng cơ cấu tổ chức hợp lý, tập trung vào các lĩnh vực xếp dỡ, giao nhận, dịch vụ bảo quản lưu kho bãi hàng hóa và các dịch vụ: đại lý hàng hải, lai dắt, vận tải, logistics gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo lộ trình và bước đi phù hợp, cơ bản hình thành mô hình tăng trưởng ổn định theo chiều sâu, bảo đảm chất lượng tăng trưởng, nâng cao hiệu quả và năng lực cạnh tranh của lĩnh vực kinh doanh khai thác cảng biển.

Mặt khác, Công ty cũng phấn đấu đảm bảo ổn định đời sống, thu nhập cho cán bộ công nhân viên của Công ty; đảm bảo thực hiện tốt các chính sách xã hội của Đảng và Nhà nước.

2. Hình thức cổ phần hóa

Căn cứ theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần, Công ty TNHH MTV Cảng Quảng Ninh tiến hành cổ phần hóa theo hình thức bán một phần vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp.

3. Thông tin doanh nghiệp sau cổ phần hóa

Tên công ty cổ phần : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH**
Tên tiếng Anh : QUANG NINH PORT JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt tiếng Việt : CẢNG QUẢNG NINH
Tên viết tắt tiếng Anh : QUANG NINH PORT
Trụ sở chính : Số 1 đường Cái Lân, Phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam
Điện thoại : 0333.825624 Fax: 0333 826118

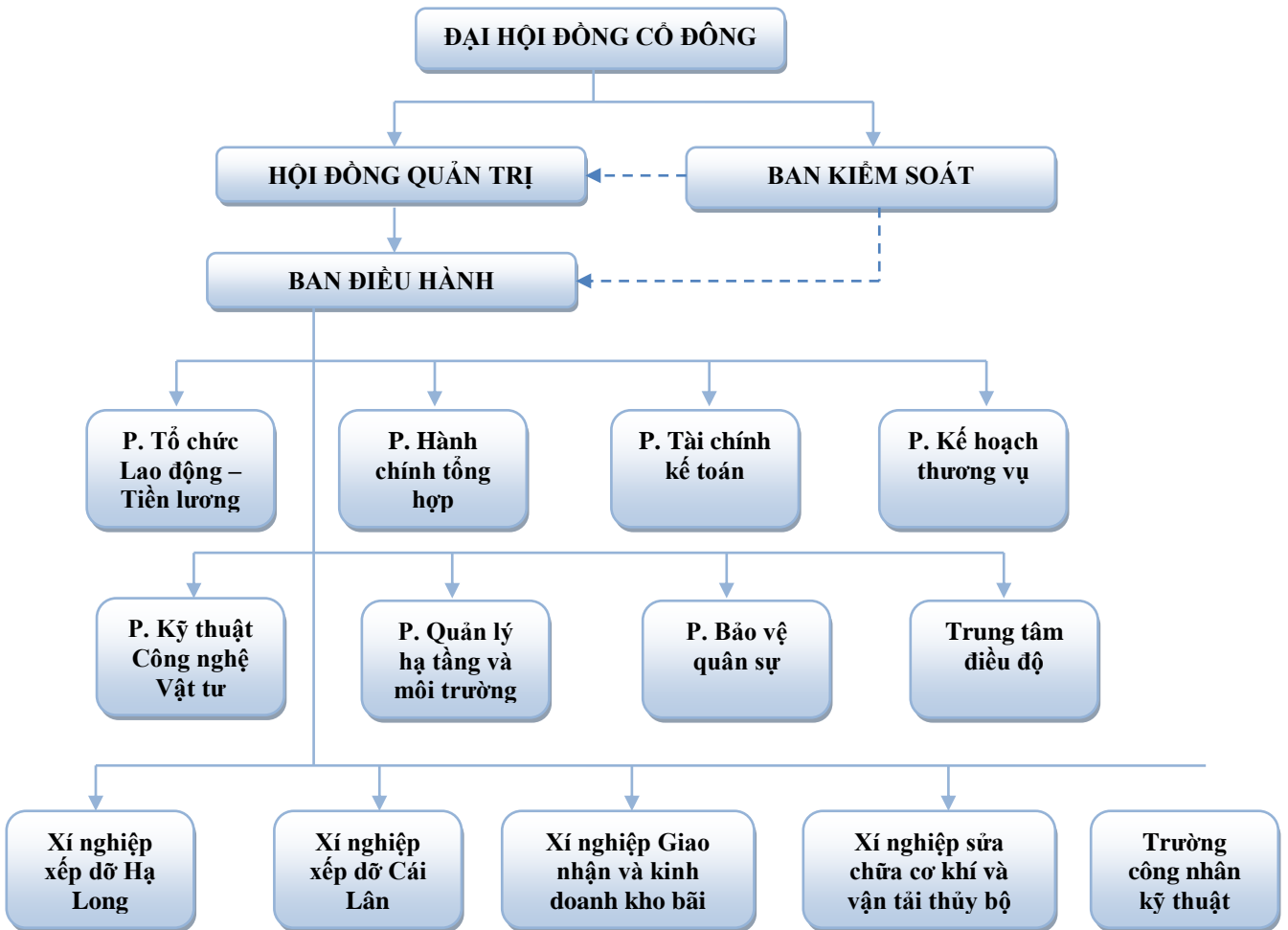
4. Ngành nghề kinh doanh sau cổ phần hóa

Stt	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bốc xếp hàng hóa <i>(Không bao gồm ngành: bốc xếp hàng hóa cảng hàng không, mã ngành 52245)</i>	5224
2.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
3.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
4.	Sửa chữa máy móc thiết bị	3312
5.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620

6.	Bán buôn gạo	4631
7.	Bán buôn thực phẩm	4632
8.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
9.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
10.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
11.	Bán buôn tổng hợp	4690
12.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên kinh doanh <i>Chi tiết: Đại lý bán lẻ xăng dầu</i>	4730
13.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa <i>Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ kho bãi (Trừ kinh doanh bất động sản)</i>	5210
14.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (<i>loại trừ: Bán buôn thuốc trừ sâu, sang chai, đóng gói và các hóa chất khác theo danh mục nhà nước cấm</i>)	4669
15.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
16.	Vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa	5022
17.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy <i>Chi tiết: Dịch vụ Hàng hải</i>	5222
18.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
19.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
20.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải <i>Chi tiết:</i> <i>- Giao nhận hàng hóa</i> <i>- Kinh doanh dịch vụ Logistic</i> <i>(không bao gồm hoạt động dịch vụ hỗ trợ cho vận tải hàng không)</i>	5229
21.	Đại lý du lịch	7911
22.	Điều hành tua du lịch	7912
23.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
24.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920

5. Cơ cấu tổ chức của Công ty sau khi cổ phần hóa

Sau khi cổ phần hóa, Công ty hoạt động theo Điều lệ tổ chức và hoạt động do Đại hội đồng cổ đông thông qua, căn cứ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, dưới sự quản trị, giám sát và điều hành của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành (Bao gồm: Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng).



✚ Ban điều hành gồm: Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng.

✚ Cơ cấu tổ chức các đơn vị thành viên:

Xí nghiệp xếp dỡ Cái Lân

- | | | |
|-------------------------|---|-----------------------------|
| - Giám đốc | - Tổ quản lý, bảo dưỡng công cụ, thiết bị | - Tổ lái cầu tàu |
| - Phó Giám đốc | - Tổ cầu lớp, xe nâng | - Tổ xếp dỡ 1,2,3,4,5,6,7,8 |
| - Tổ nghiệp vụ tổng hợp | - Tổ cầu đế | |
| - Tổ trực ban | - Tổ xe xúc | |

- Tổ chỉ đạo

Xí nghiệp xếp dỡ Hạ Long

- | | | |
|---|-------------------|-----------------------|
| - Giám đốc | - Tổ QGC | - Tổ cuộc đào |
| - Phó Giám đốc | - Tổ RTG | - Tổ xe gạt |
| - Tổ nghiệp vụ tổng hợp | - Tổ cầu đế | - Tổ lái cầu tàu 1, 2 |
| - Tổ trực ban | - Tổ cầu bánh lốp | - Tổ xếp dỡ 1 |
| - Tổ chỉ đạo | - Tổ ô tô | ,2,3,4,5,6,7,8 |
| - Tổ quản lý, bảo dưỡng công cụ, thiết bị | - Tổ xe nâng 1, 2 | |

Xí nghiệp Sửa chữa cơ khí và Vận tải thủy bộ

- | | |
|-------------------------|----------------------------|
| - Giám đốc | - Tổ cơ khí 1 |
| - Phó Giám đốc | - Tổ cơ khí 2 |
| - Tổ nghiệp vụ tổng hợp | - Tổ vận tải đường bộ |
| - Tổ trực ban | - Tổ vận tải thủy, tàu lai |
| - Tổ sửa chữa cơ điện | |

Xí nghiệp Giao nhận và kinh doanh kho bãi

- | | | |
|-------------------------|--------------------------|------------------|
| - Giám đốc | - Tổ kế hoạch bãi | - Tổ giao nhận 1 |
| - Phó Giám đốc | - Tổ thủ tục, nhà cân | - Tổ giao nhận 2 |
| - Tổ nghiệp vụ tổng hợp | - Tổ kho | - Tổ giao nhận 3 |
| - Tổ trực ban | - Tổ chấm bay | |
| - Tổ kết toán tàu | - Tổ giao nhận container | |

6. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

6.1 Vị thế của công ty trong ngành

Nằm ở trung tâm Vịnh Bắc Bộ, Cảng Quảng Ninh được xem là cửa ngõ ra biển Đông của khu vực Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, các nước có biên giới giáp phía Tây Bắc nước ta. Cảng Quảng Ninh còn có lợi thế nằm gần Trung Quốc – một đối tác lớn trong hoạt động thương mại, xuất nhập khẩu.

Trong nhiều năm liền, Cảng Quảng Ninh luôn là một trong những cảng dẫn đầu cả nước về sản lượng hàng hóa thông qua, xác lập và giữ vai trò là cảng quan trọng của hoạt động giao thương phía Bắc, là cửa ngõ giao thông lớn của đất nước.

Trong hệ thống cảng biển Việt Nam, Cảng Quảng Ninh được đánh giá là một trong những cảng có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển. Bên cạnh đó, Cảng Quảng Ninh còn được khách hàng tín nhiệm bởi phong cách làm việc linh hoạt, trách nhiệm và chuyên nghiệp. Từ nhiều năm qua, Cảng luôn được các chủ hàng, chủ tàu trong nước và quốc tế biết đến với năng suất, chất lượng cao, giải phóng tàu nhanh. Đó cũng chính là những yếu tố giúp Cảng nâng cao được khả năng cạnh tranh trên thị trường, khẳng định thương hiệu và giữ vững tốc độ tăng trưởng hàng năm.

6.2 Triển vọng phát triển của ngành

Kinh tế biển Việt Nam những năm qua đã đổi mới và tăng trưởng đáng kể về quy mô và thay đổi rõ rệt về ngành nghề, đóng góp cho tăng trưởng GDP của quốc gia, biến đổi nhanh chóng diện mạo đất nước. Tuy nhiên, nếu so sánh với một số nước có biển trong khu vực thì kinh tế biển Việt Nam phát triển còn chậm. Do đó, trong thời gian tới để phát triển kinh tế biển theo kịp các quốc gia trên thế giới, tại Hội nghị lần thứ tư Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa X đã có quan điểm chỉ đạo về định hướng chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020. Mục tiêu phát triển kinh tế biển đến năm 2020 là kinh tế biển và vùng ven biển đóng góp khoảng 53 - 55% tổng GDP của cả nước, trong đó ngành hàng hải có vị trí hàng đầu. Phát triển kinh tế vận tải biển: tập trung đầu tư phát triển nhanh, hiệu quả đội tàu biển Việt Nam theo hướng trẻ hóa, hiện đại hóa và chuyên dụng hóa, đặc biệt là tàu dầu, tàu hàng rời, tàu container, tàu khách để đến năm 2015 tổng trọng tải đạt trên 7 triệu DWT và năm 2020 trên 11 triệu DWT; Đáp ứng tốt nhu cầu vận chuyển hàng hóa và hành khách trong nước, với mục tiêu đến năm 2015 đạt trên 35% và năm 2020 đạt trên 45% tổng sản lượng hàng hóa vận chuyển trong nước; Tham gia hiệu quả thị trường vận tải biển trong khu vực và thế giới theo hướng tăng mạnh sản lượng vận tải quốc tế, tăng thị phần nhằm đảm bảo hợp lý lợi ích kinh tế vận tải ngoại thương để đến năm 2015 đạt trên 25% và 2020 đạt trên 35% tổng sản lượng vận chuyển hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của Việt Nam.

Phát triển kinh tế khai thác cảng biển: Đẩy mạnh phát triển kinh tế khai thác cảng biển đầu mối tại những vùng kinh tế trọng điểm: Đông Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, Trung Trung Bộ, Nam Trung Bộ, Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ; các cảng, bến cảng, cầu cảng chuyên dụng tại những khu kinh tế, khu công nghiệp ven biển, trên đảo và cảng trung chuyển quốc tế. Bảo đảm năng lực hàng hóa thông qua đạt trên 400 triệu tấn vào năm 2015 và trên 700 triệu tấn vào năm 2020. Riêng nhóm cảng khu vực phía Bắc lượng, hàng qua cảng dự kiến đến năm 2015 khoảng 150 triệu tấn/năm và đến năm 2020 khoảng 220 triệu tấn/năm; Phát triển nhanh, đồng bộ, đủ năng lực cạnh tranh đối với các loại hình

dịch vụ hỗ trợ khai thác cảng biển với mục tiêu đến năm 2020, doanh thu chiếm trên 60% tổng doanh thu của hoạt động kinh doanh khai thác cảng biển của cả nước.

Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực: Nâng cao chất lượng và mở rộng các hình thức đào tạo, huấn luyện nguồn nhân lực hàng hải theo hướng bảo đảm cân đối giữa đào tạo lý thuyết với huấn luyện thực hành. Tăng cường hợp tác quốc tế về đào tạo huấn luyện nhằm đáp ứng đầy đủ nguồn nhân lực đối với nhiệm vụ phát triển kinh tế biển và kinh tế hàng hải nói riêng.

6.3 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới.

Với chiến lược phát triển Kinh tế biển Việt Nam đã được chỉ đạo tại Hội nghị lần thứ tư Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa X, các kế hoạch đầu tư, mở rộng của Cảng Quảng Ninh là phù hợp.

7. Định hướng phát triển và phương án đầu tư của doanh nghiệp sau cổ phần hóa

7.1 Định hướng phát triển của Công ty

Với hơn 80% khối lượng hàng hóa xuất nhập khẩu của Việt Nam được vận chuyển bằng đường biển thông qua các cảng trong toàn quốc, vận tải biển đóng vai trò quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Tốc độ phát triển của ngành là khá cao, hứa hẹn nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp trong ngành nói chung và Cảng Quảng Ninh nói riêng vươn lên.

Mục tiêu hoạt động của công ty sau khi cổ phần hóa là tập trung vào các lĩnh vực xếp dỡ, giao nhận, dịch vụ bảo quản lưu kho bãi hàng hóa và các dịch vụ: đại lý hàng hải, lai dắt, vận tải, logistics gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng, cơ bản hình thành mô hình tăng trưởng ổn định theo chiều sâu, bảo đảm chất lượng tăng trưởng, nâng cao hiệu quả và năng lực cạnh tranh của lĩnh vực kinh doanh khai thác cảng biển.

7.2 Phương án đầu tư của doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa

Trên cơ sở dự báo phân tích tình hình thị trường và nguồn hàng thông qua cảng, Công ty TNHH MTV Cảng Quảng Ninh dự kiến giai đoạn 2014 – 2018 sẽ tập trung mọi nguồn vốn vay thương mại và vốn tự có để đầu tư một số dự án lớn như sau:

✚ Đầu tư cơ sở hạ tầng

- Đầu tư San gạt, xây dựng kho, bãi đòi thượng lưu bến 1 Cái Lân với giá trị hơn 32,5 tỷ đồng.
- Đầu tư Xây dựng kho bãi chứa hàng 4.300 m² đòi trong bến 1 với giá trị 20 tỷ đồng.
- Đầu tư Xây dựng văn phòng nhà điều hành Bến 1 với giá trị 27 tỷ đồng.
- Khảo sát, thông báo 6 điểm neo tàu khu vực Hòn Gai với giá trị 300 triệu đồng

- Đầu tư khác ước tính 8 tỷ đồng.

✚ Kế hoạch đầu tư trang thiết bị với một số hạng mục lớn như:

- Xe gạt bánh xích (4 chiếc) với giá trị 8 tỷ đồng
- Đầu tư 01 Xe nâng chụm container với giá trị gần 2 tỷ đồng
- Đầu tư 03 Rơ móc chỡ container với giá trị gần 3 tỷ đồng
- Đầu tư 03 Xe đầu kéo container với giá trị hơn 5,6 tỷ đồng
- Nâng cấp hệ thống điều khiển cầu giàn QC 01 với giá trị 11,3 tỷ đồng
- Đầu tư phần mềm khai thác container với giá trị gần 4 tỷ đồng
- Đầu tư Xe xúc lật XIAGONG 95III Trung Quốc (3 chiếc) với giá trị gần 4,4 tỷ đồng
- Đầu tư xe tải ben (04 chiếc) với giá trị hơn 3,1 tỷ đồng.
- Đầu tư Xe nâng 8 T với giá trị 1,7 tỷ đồng.
- Đầu tư Xe nâng 3T – 3,5 T (03 chiếc) với giá trị 3 tỷ đồng.
- Đầu tư 1 chiếc cần xúc tiêu chuẩn xe Hyundai với giá trị 1,256 tỷ đồng
- Đầu tư Cầu bờ di động 80-100 tấn (01 chiếc)
- Đầu tư cân điện tử 120 tấn (01 chiếc).
- Đầu tư khác ước tính khoảng 12 tỷ đồng.

✚ Danh mục dự án khách hàng đầu tư (năm 2014)

- Xây dựng kho chứa hàng lỏng tại Bến 1 Cái Lân, công suất từ 150.000 đến 200.000 tấn /năm, dự kiến bắt đầu triển khai vào Quý 3/2014 và khai thác từ Quý 1/2015.
- Cải tạo bãi bến 5 đổ bê tông thay cho trải nhựa asphalt trước đây.

✚ Dự kiến đầu tư giai đoạn 2018-2025

Căn cứ tình hình thực tế thị trường để xây dựng kế hoạch đầu tư một số hạng mục dự kiến như sau:

- Xây dựng bến số 10 trên cơ sở bến tạm và tiến hành nâng cấp bến số 1 để khai thác hàng rời, hàng bách hóa tổng hợp dự kiến thời gian 2017-2018
- Xây dựng bến số 8,9 về phía hạ lưu cảng Cái Lân, lộ trình:
 - + Năm 2014-2016: Khảo sát, lập quy hoạch san lấp mặt bằng làm bãi;
 - + Năm 2017-2025: Xây dựng 02 cầu bến (bến 8, bến 9) xếp dỡ container đạt công suất 750.000 teus/năm. Đến năm 2025 công suất khai thác 10 bến tại khu vực cảng Cái Lân có thể đạt khoảng 20 triệu tấn/năm, trong đó container đạt 1,8 triệu teus/năm.

8. Các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh 5 năm sau cổ phần hóa

8.1 Đánh giá một số thuận lợi, khó khăn ảnh hưởng đến SXKD của Công ty

✚ Thuận lợi

- Công ty TNHH MTV Cảng Quảng Ninh luôn duy trì và giữ vững được những khách hàng truyền thống có sản lượng hàng hóa thông qua cảng cao và ổn định.
- Các dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và mua sắm trang thiết bị xếp dỡ của Cảng sẽ được bổ sung và hoàn thành đi vào hoạt động góp phần nâng cao năng lực khai thác cảng và tạo ra bước phát triển mới.
- Cảng Quảng Ninh cùng với Công ty mẹ - Tổng công ty Hàng hải Việt Nam đã thành lập Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Cảng Cái Lân để liên doanh với Tập đoàn SSA Holding International - Hoa Kỳ thành lập Công ty TNHH Cảng Container Quốc tế Cái Lân (phía Việt Nam đóng 51% vốn điều lệ, phía SSA đóng 49%) để xây dựng 03 cầu bến số 2,3,4 cho tàu container có tải trọng tới 4.000 TEUS vào làm hàng. Các cầu bến số 2, 3, 4 đã chính thức đi vào khai thác từ tháng 8 năm 2012.

Với vị trí địa lý là cảng nước sâu, thuận tiện đường bộ, đường sắt và nằm trong khu vực Vịnh Hạ Long, khu kinh tế năng động của tỉnh Quảng Ninh và phía Đông Bắc, đồng thời được đầu tư đồng bộ các trang thiết bị chuyên dùng xếp dỡ hàng container, hàng bách hóa tổng hợp hiện đại nhất Việt Nam hiện nay, Cảng sẽ là trung tâm động lực thu hút hàng hóa tại khu vực phía bắc Việt Nam.

- Hệ thống luồng vào cảng và khu vực quay tàu được Bộ Giao thông vận tải đầu tư nạo vét năm 2013 đạt -10m theo chuẩn thiết kế, đã tạo lợi thế cho Cảng thu hút các tàu hàng cỡ trọng tải lớn vào làm hàng. Đặc biệt quý IV năm 2013 và quý I năm 2014, Cảng Quảng Ninh đã thu hút trên 30 chuyến tàu hàng cỡ Panamax.
- Trạm cân điện tử, giới hạn tải trọng xe được áp dụng từ ngày 01/4/2014 trên tất cả các tuyến quốc lộ thay cho việc chỉ áp dụng một số tuyến đường (trong đó có Quốc lộ 18A) sẽ tạo sự bình đẳng về giá thành vận chuyển trên các tuyến đường.
- Các dịch vụ sau cảng từng bước sẽ được cải thiện và hoạt động chuyên nghiệp hơn.
- Hệ thống đường sắt từ ga Hạ Long đến cảng Cái Lân đã được kết nối và dự kiến đưa vào khai thác quý IV năm 2014, điều đó sẽ thu hút hàng hóa khu vực Tây Bắc qua Cảng Cái Lân ngày một tăng, đồng thời góp phần giảm tải cho Quốc lộ 18 hiện nay.
- Quốc lộ 18A được cải tạo và nâng cấp xong sẽ tạo thuận lợi hơn cho việc lưu thông hàng hóa qua cảng.

- Dự án đường cao tốc nối Đại Yên, Hạ Long - Đình Vũ, Hải Phòng đang được Bộ Giao thông vận tải, tỉnh Quảng Ninh và thành phố Hải Phòng tích cực triển khai sẽ tạo động lực thu hút hàng hóa thông qua cảng.
- Chính sách của Nhà nước tạo điều kiện cho các hoạt động xuất nhập khẩu, tạm nhập tái xuất hàng hóa qua cửa khẩu Móng Cái sang Trung Quốc và ngược lại, sẽ góp phần nâng cao sản lượng hàng hóa thông qua cảng Cái Lân.
- Sự quan tâm giúp đỡ của Bộ Giao thông vận tải, Cục Hàng hải Việt Nam, Tổng công ty Hàng hải Việt Nam và tỉnh Quảng Ninh.



Khó khăn:

- Hệ thống giao thông đường bộ Quốc lộ 18A tuy được cải tạo song vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu lưu thông hàng hóa qua cảng Cái Lân do chỉ là loại đường bộ cấp III đồng bằng lại đi qua nhiều khu vực đông dân cư, trong khi đó mật độ phương tiện tham gia giao thông ngày một tăng làm ảnh hưởng đến việc lưu thông hàng hóa từ cảng Cái Lân đi các tỉnh lân cận.
- Vừa qua tỉnh Quảng Ninh đã ra thông báo chỉ cho phép một số mặt hàng được xếp dỡ ngoài vùng neo nhằm hạn chế ảnh hưởng ô nhiễm môi trường khu vực Vịnh Hạ Long. Do vậy, trong thời gian tới thị trường xếp dỡ một số mặt hàng ngoài vùng neo của Cảng sẽ giảm, tuy nhiên thay vào đó sản lượng hàng hóa qua cầu cảng sẽ tăng lên.
- Giá cả nhiên liệu, điện năng, vật tư, thiết bị luôn biến động có chiều hướng gia tăng sẽ làm ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Cảng.
- Chất lượng nguồn nhân lực của Cảng tuy đã được cải thiện nâng cao nhưng vẫn còn hạn chế, thiếu lao động kỹ thuật có tay nghề cao và chuyên gia giỏi về khai thác để đáp ứng được yêu cầu phát triển của Cảng.

8.2 Các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Hiện nay doanh thu chủ yếu là các dịch vụ đơn thuần bốc xếp, giao nhận, lưu kho bãi tại khu vực trong cảng, các hoạt động dịch vụ ngoài cảng hầu như là chưa có, do vậy doanh thu còn thấp chưa xứng với tiềm năng khai thác của cảng Cái Lân. Để góp phần tăng doanh thu và nâng cao chất lượng dịch vụ hàng hóa cũng như đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh, trong thời gian tới Cảng Quảng Ninh sẽ đầu tư phương tiện, trang thiết bị cũng như nâng cao về chuyên môn cho đội ngũ lao động để phát triển thêm các dịch vụ hàng hải như: logistics, vận tải, giao nhận hàng hóa và các dịch vụ đại lý hàng hải.

8.3 Dự kiến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh sau cổ phần hóa

Bảng số 10: Một số chỉ tiêu hoạt động sau cổ phần hóa

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm
-----	----------	-----	-----

			2014	2015	2016	2017	2018
1	Kế hoạch đầu tư XDCB:	Tr.Đ	34.076	35.600	42.200	37.000	28.000
2	Vốn điều lệ	Tr.Đ	500.499,36	500.499,36	500.499,36	500.499,36	500.499,36
3	Tổng số lao động	Người	894	850	800	750	700
4	Tổng quỹ lương	Tr.Đ	72.950	76.500	81.600	81.000	88.200
5	Thu nhập bình quân 1 người/tháng	Tr.Đ	6,8	7,5	8,5	9,0	10,5
6	Tổng sản lượng hàng hóa thông qua Cảng	Tấn	6.300.000	7.000.000	7.700.000	8.500.000	9.000.000
7	Tổng sản lượng hàng hóa bốc xếp	Tấn	6.615.000	7.560.000	8.470.000	9.775.000	10.800.000
8	Doanh thu	Tr.Đ	230.000	262.500	294.000	336.000	367.500
9	Chi phí	Tr.Đ	220.000	244.500	271.000	308.000	335.500
10	Lợi nhuận	Tr.Đ	10.000	18.000	23.000	28.000	32.000
11	Cổ tức	%	2,0%	3,6%	4,6%	5,6%	6,4%

(nguồn: Công ty TNHH MTV Cảng Quảng Ninh)

III. VỐN ĐIỀU LỆ VÀ CÁC THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Các căn cứ pháp lý của đợt chào bán

- Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Nghị định số 189/2013/NĐ-CP sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính về hướng dẫn việc bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Thông tư số 202/2011/TT-BTC ngày 30/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ;
- Quyết định số 276/QĐ-TTg ngày 04/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án tái cơ cấu Tổng công ty Hàng hải Việt Nam giai đoạn 2012-2015;
- Nghị quyết số 1111/NQ-HHVN ngày 06/5/2013 của Hội đồng thành viên Tổng

công ty Hàng hải Việt Nam về kế hoạch thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước năm 2013;

- Quyết định số 119/QĐ - HHVN ngày 08/4/2014 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Hàng hải Việt Nam thay thế Quyết định số 218/QĐ-HHVN ngày 21/05/2013 về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cảng Quảng Ninh;
- Nghị quyết số 780/NQ-HHVN ngày 21/3/2014 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Hàng hải Việt Nam về tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược đối với Công ty TNHH một thành viên Cảng Quảng Ninh khi cổ phần hóa;
- Quyết định số 94/QĐ-HHVN ngày 28/03/2014 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Hàng hải Việt Nam về giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cảng Quảng Ninh;
- Biên bản Hội nghị công nhân viên chức bất thường ngày 04/4/2014 của Công ty TNHH MTV Cảng Quảng Ninh;
- Quyết định số 152/QĐ-HHVN ngày 18/4/2014 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Hàng hải Việt Nam về phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH một thành viên Cảng Quảng Ninh thành công ty cổ phần;
- Hợp đồng dịch vụ tư vấn lập Phương án cổ phần hóa số 04/2014/IRS/TVCPH giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Cảng Quảng Ninh và Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia ký ngày 02 tháng 01 năm 2014.

2. *Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ*

Vốn điều lệ dự kiến sau cổ phần hóa: 500.499.360.000 đồng.

(Bằng chữ: Năm trăm tỷ, bốn trăm chín mươi chín triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng)

Tỷ lệ cổ phần dự kiến:

- Nhà nước: 75% tương đương 37.537.452 cổ phần
- Người lao động: 2,23% (làm tròn) tương đương 1.116.610 cổ phần

Trong đó,

- *Bán cho CBCNV theo thời gian thực tế làm việc tại khu vực Nhà nước: 2,19% tương đương 1.095.010 cổ phần*
- *Bán cho CBCNV theo thời gian cam kết làm việc tại công ty cổ phần: 0,04% tương đương 21.600 cổ phần*

- Công đoàn: 0,15% tương đương 75.690 cổ phần

Trong đó,

- o Công đoàn mua từ nguồn Quỹ công đoàn: 0,03% tương đương 16.000 cổ phần
- o Công đoàn mua từ nguồn Quỹ phúc lợi theo ủy quyền của CBCNV: 0,12% tương đương 59.690 cổ phần
- Nhà đầu tư chiến lược: 0%
- Nhà đầu tư thông thường: 22,62% tương đương 11.320.184 cổ phần

3. Loại cổ phần và phương thức phát hành

Tất cả cổ phần của công ty tại thời điểm thành lập đều là cổ phần phổ thông. Các hoạt động mua bán, chuyển nhượng, thừa kế cổ phần được thực hiện theo Điều lệ của Công ty cổ phần và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

3.1 Cổ phần ưu đãi cho người lao động

- Cổ phần bán theo giá ưu đãi bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất theo số năm làm việc thực tế tại khu vực nhà nước cho người lao động trong doanh nghiệp là 1.095.010 cổ phần với tổng mệnh giá là 10.950.100.000 đồng chiếm 2,19% vốn điều lệ Công ty cổ phần. Cụ thể:

+ Tổng số lao động của doanh nghiệp tại thời điểm 28/03/2014	:	974 người
+ Tổng thời gian làm việc trong khu vực nhà nước tới thời điểm 28/3/2014	:	11.547 năm
+ Tổng số cổ phần được mua ưu đãi	:	1.154.700 CP

Trong đó

* Số cổ phần ủy quyền cho công đoàn mua từ nguồn Quỹ phúc lợi	:	59.690 CP
* Số cổ phần bán ưu đãi cho người lao động	:	1.095.010 CP
+ Giá bán	:	60% giá đấu thành công thấp nhất
+ Thời gian thực hiện	:	Việc triển khai bán cổ phần cho CBCNV sẽ thực hiện sau khi bán đấu giá công khai ra công chúng

- Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động theo giá đấu thành công thấp nhất có cam kết làm việc lâu dài cho công ty trong thời hạn ít nhất 3 năm là 21.600 cổ phần với tổng mệnh giá là 216.000.000 đồng chiếm 0,04% vốn điều lệ Công ty cổ phần.

- Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán tiền mua cổ phần của người lao động do Công ty TNHH MTV Cảng Quảng Ninh quy định cụ thể.

3.2 Cổ phần bán cho Công đoàn

Cổ phần bán ưu đãi cho tổ chức công đoàn theo giá ưu đãi bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất là 75.690 cổ phần với tổng mệnh giá là 756.900.000 đồng chiếm 0,15% vốn điều lệ Công ty cổ phần. Trong đó:

- Sử dụng nguồn Quỹ phúc lợi để mua 59.690 cổ phần – chiếm 0,12% vốn điều lệ. Số tiền dự kiến sử dụng từ nguồn Quỹ phúc lợi là 600.000.000 đồng.

Trường hợp giá trị thực tế để mua 59.690 cổ phần nói trên nhỏ hơn 600.000.000 đồng thì chênh lệch giữa giá trị mua thực tế và 600.000.000 đồng sẽ được chuyển vào Quỹ phúc lợi của công ty cổ phần để Công ty cổ phần tiếp tục kế thừa.

- Sử dụng nguồn Quỹ công đoàn để mua 16.000 cổ phần – chiếm 0,03% vốn điều lệ. Số tiền dự kiến sử dụng từ nguồn Quỹ công đoàn là 150.000.000 đồng.

- Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán tiền mua cổ phần của tổ chức công đoàn do Công ty TNHH MTV Cảng Quảng Ninh quy định cụ thể.

3.3 Cổ phần bán cho Nhà đầu tư chiến lược: Không có

3.4 Cổ phần bán đấu giá ra bên ngoài

Tổ chức bán đấu giá **11.320.184** cổ phần với tổng mệnh giá là **113.201.840.000** đồng cho các nhà đầu tư thông qua Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

- Giá khởi điểm: **11.000** đồng/cổ phần.
- Tên và địa chỉ tổ chức bán đấu giá: Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, số 2 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Đối tượng tham gia đấu giá: Các nhà đầu tư cá nhân, nhà đầu tư tổ chức theo quy định tại Điều 6 Nghị định 59/2011/NĐ-CP của Chính phủ ngày 18/7/2011 về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.
- Thời gian và địa điểm phát đơn: Theo quy chế đấu giá
- Thời gian và địa điểm nộp đơn và đặt tiền cọc: Theo quy chế đấu giá
- Thời gian và địa điểm bán đấu giá: Theo quy chế đấu giá
- Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán tiền mua cổ phần: Theo quy chế đấu giá.

4. Kế hoạch sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa

- Trên cơ sở giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, tỷ lệ góp vốn của nhà nước tại Công ty cổ phần, Công ty TNHH MTV Cảng Quảng Ninh dự kiến kế hoạch hoàn vốn ngân sách nhà nước, tạm tính theo phương án tất cả số lượng cổ phần bán đấu giá được mua với giá 11.000 đồng và giá đấu bình quân là 11.000 đồng.

Bảng số 11: Kế hoạch hoàn vốn ngân sách

		Số lượng CP bán thành công	Giá bán (đồng)	Số tiền
Vốn nhà nước thực tế tại doanh nghiệp sau khi đánh giá lại	a			500.499.365.839
Vốn điều lệ công ty cổ phần	b			500.499.360.000
Tiền thu từ cổ phần hóa	c			132.486.244.000
Thu từ đấu giá công khai		11.320.184	11.000	124.522.024.000
Thu từ bán cho người lao động theo thời gian thực tế làm việc tại khu vực Nhà nước		1.095.010	6.600	7.227.066.000
Thu từ bán cho người lao động theo thời gian cam kết làm việc tại công ty cổ phần		21.600	11.000	237.600.000
Thu từ bán cho công đoàn		75.690	6.600	499.554.000
<i>Trong đó</i>				-
- Mua từ nguồn quỹ công đoàn		16.000	6.600	105.600.000
- Mua từ nguồn Quỹ phúc lợi được CBVNV ủy quyền		59.690	6.600	393.954.000
Giá trị chênh lệch vốn nhà nước với vốn điều lệ công ty cổ phần	d=a-b			5.839
Chi phí cổ phần hóa	e			500.000.000
Chi phí xử lý lao động	f			8.446.559.625
Số tiền nộp về ngân sách nhà nước	g=c+d-e-f			123.539.690.214

IV. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG TỚI HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Rủi ro về kinh tế

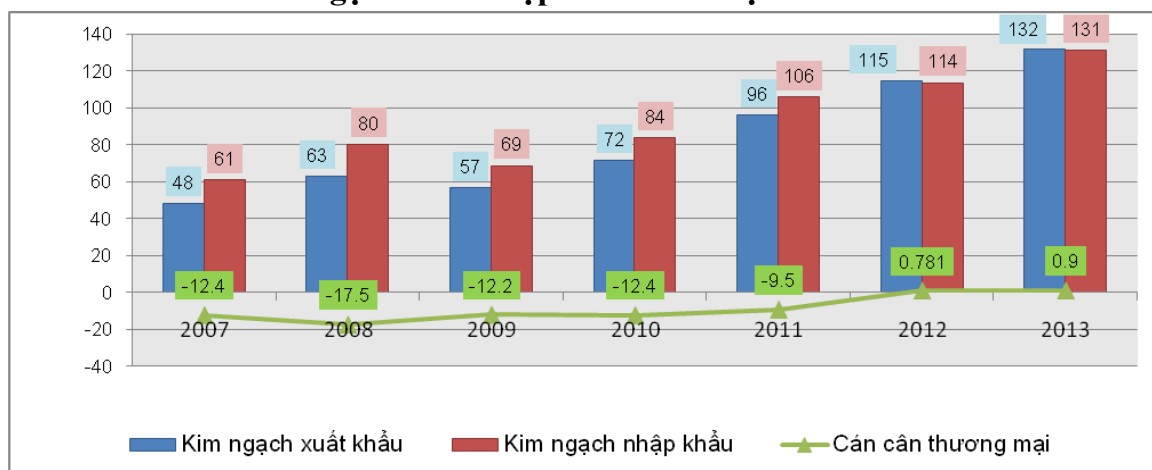
Thực trạng nền kinh tế và xu hướng chung trong tương lai có ảnh hưởng đến sự thành công và chiến lược hoạt động của tất cả doanh nghiệp. Nền kinh tế Việt Nam từ năm 2008 đến năm 2013 không những phải đối mặt với những diễn biến khó lường của kinh tế thế giới, mà còn phải đối mặt với nhiều khó khăn nội tại như lạm phát tăng mạnh, thâm hụt cán cân thương mại đạt kỷ lục (hơn 14%GDP), thị trường chứng khoán liên tục

sụt giảm, tỷ lệ thất nghiệp gia tăng. Sự suy giảm này khiến nhu cầu về dịch vụ cảng suy giảm làm ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, bước sang năm 2014, theo nhận định đánh giá của nhiều chuyên gia kinh tế, nền kinh tế thế giới có những khởi sắc, tăng trưởng toàn cầu về cơ bản đang trên đà phục hồi. Theo đó, tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2014 được dự đoán có nhiều khả năng sẽ phục hồi. Trên cơ sở những mục tiêu tổng quát của nền kinh tế, Chính phủ đã đưa ra mục tiêu tăng trưởng GDP năm 2014 tăng khoảng 5.8% - 6% so với năm 2013.

Đặc biệt đối với Cảng Quảng Ninh, hoạt động chính của Công ty là khai thác cảng và kinh doanh kho bãi. Các hoạt động này gắn liền với sự phát triển của hoạt động xuất nhập khẩu. Hoạt động xuất nhập khẩu thay đổi sẽ ảnh hưởng đến khối lượng hàng hóa xuất nhập khẩu và tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Cảng Quảng Ninh.

Tổng kim ngạch xuất khẩu năm 2013 đã chính thức khép lại với con số ấn tượng nhất từ trước đến nay: 132,17 tỷ USD, tăng 15,4% so với năm 2012. Tổng kim ngạch nhập khẩu ước đạt khoảng 131,3 tỷ USD, tăng khoảng 15,4% so với năm 2012.

Biểu đồ Diễn biến kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam từ năm 2007 - 2013



(nguồn: Tổng cục thống kê)

Trong năm 2014, các hiệp định thương mại tự do (FTA) đang được tích cực đàm phán và ký kết sẽ góp phần mở rộng thị trường và đẩy mạnh xuất khẩu cho hàng hóa của Việt Nam như: Hiệp định đối tác Kinh tế chiến lược xuyên Thái Bình Dương (TPP), Hiệp định Việt Nam – EU; Hiệp định Việt Nam – EFTA; Hiệp định FTA Việt Nam – Hàn Quốc; Hiệp định FTA giữa Việt Nam và liên minh thuế quan gồm Nga, Bê – la – rít và Ca- đắc-xtan. Đặc biệt là hiệp định TPP được dự báo mở ra cơ hội lớn cho hoạt động xuất khẩu của Việt Nam. Tại kỳ họp lần thứ 6, Quốc hội khóa XIII đã thông qua Nghị quyết về chỉ tiêu xuất khẩu năm 2014 tăng 10%, nhập siêu khoảng 6%. Như vậy, tổng kim ngạch xuất khẩu năm 2014 ước khoảng 147 tỷ USD và nhập siêu khoảng 9 tỷ USD. Những yếu tố tích cực từ nền kinh tế và hoạt động xuất nhập khẩu liên quan hoạt động Cảng biển nói trên sẽ góp phần thúc đẩy hoạt động cảng biển nhộn nhịp và phát triển hơn nữa cho Cảng Quảng Ninh nói riêng và ngành cảng biển nói chung.

2. *Rủi ro chính sách và pháp luật*

Khi chuyển sang công ty cổ phần, hoạt động của Cảng Quảng Ninh chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật về công ty cổ phần, chứng khoán và thị trường chứng khoán. Luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và khi đó ít nhiều sẽ ảnh hưởng đến hoạt động của quản trị, kinh doanh của doanh nghiệp và từ đó sẽ ảnh hưởng đến giá cổ phiếu của Cảng Quảng Ninh.

Việc ban hành hoặc thay đổi chính sách liên quan đến hoạt động của ngành có thể ảnh hưởng đến tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty. Công ty phải luôn bám sát các văn bản pháp luật của Nhà nước để có thể điều chỉnh kịp thời, hiệu quả để hoạt động sản xuất kinh doanh của mình luôn đi đúng với các qui định của pháp luật

Về chính sách, ngày 22/01/2014, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 169/QĐ-TTg về việc “Phê duyệt đề án phát triển dịch vụ Logistics trong lĩnh vực giao thông vận tải Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030”. Chính sách này sẽ thúc đẩy ngành cảng biển, vận tải, lĩnh vực mà Công ty đang cung cấp dịch vụ ngày càng phát triển hơn nữa. Như vậy, chính sách phát triển của Nhà nước liên quan đến ngành cảng biển là một điểm sáng đối với ngành cảng biển nói chung và Cảng Quảng Ninh nói riêng sẽ có điều kiện thuận lợi để phát triển, tăng trưởng hơn nữa trong tương lai.

3. *Rủi ro đặc thù*

Bên cạnh những rủi ro về kinh tế, rủi ro luật pháp, chính sách ảnh hưởng đến doanh nghiệp, rủi ro đặc thù ngành kinh doanh là ảnh hưởng mạnh mẽ và trực tiếp nhất đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Việc giá nhiên liệu thường xuyên biến động ở mức cao, các loại phí bảo hiểm, thuế và phí tăng cao cùng việc hạ tầng giao thông đô thị xuống cấp làm cho tình hình kinh doanh của các doanh nghiệp cảng biển, vận tải gặp nhiều khó khăn. Sự thay đổi liên tục chính sách về thuế đối với các phương tiện vận tải cũng ảnh hưởng mạnh mẽ đến việc kinh doanh khai thác cảng. Ngoài ra, điều kiện thiên nhiên là nhân tố rủi ro lớn nhất ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Cảng Quảng Ninh. Sản lượng và hiệu quả của Cảng phụ thuộc vào mùa mưa bão, lũ lụt, thiên tai...gây thiệt hại về đường xá; gây khó khăn cho phương tiện thủy, bộ trong việc vận hành kinh doanh.

4. *Rủi ro của đợt chào bán*

Công ty TNHH MTV Cảng Quảng Ninh tổ chức bán đấu giá cổ phần trong giai đoạn diễn biến thị trường chứng khoán Việt Nam có nhiều biến động, tổ chức bán đấu giá tại thời điểm hiện nay gặp nhiều khó khăn trong việc tìm kiếm đối tác muốn tham gia đợt đấu giá.

Trong trường hợp đấu giá không thành công thì số cổ phần còn lại sẽ được Ban tổ chức đấu giá xử lý theo quy định của pháp luật

5. *Rủi ro khác*

Một số rủi ro mang tính chất bất thường, khả năng xảy ra rất hiếm hoi nhưng khi xảy ra thì tác động rất lớn, đó là các hiện tượng do thiên tai gây ra như động đất, bão lụt hay chiến tranh... Những rủi ro này rất hiếm khi xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ gây hậu quả rất nghiêm trọng, tác động trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty như gây ra tổn thất về mặt tài chính lớn hoặc có thể làm gián đoạn hoạt động sản xuất kinh doanh.

V. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. *Ban chỉ đạo cổ phần hóa và doanh nghiệp cổ phần hóa*

- Ông Lê Phan Linh – Trưởng ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cảng Quảng Ninh
- Ông Bùi Quang Đạo – Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Cảng Quảng Ninh

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là phù hợp với thực tế để nhà đầu tư có thể đánh giá về tài sản, tình hình tài chính, kết quả triển vọng kinh doanh của Cảng Quảng Ninh trước khi đăng ký tham dự đấu giá cổ phần.

2. *Tổ chức tư vấn*

Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng gia

Địa chỉ : 30 Nguyễn Du, P. Bùi Thị Xuân, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại : (04) 3.944.6666 Fax : (04) 3.944.8071

Website : www.irs.com.vn

Người đại diện: Ông Trần Hữu Chung

Chức danh: Q. Tổng giám đốc

(Theo Giấy ủy quyền số 08/UQ - HĐQT ngày 18 tháng 12 năm 2012)

Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản công bố thông tin này đã được thực hiện một cách hợp lý và cân trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty TNHH MTV Cảng Quảng Ninh cung cấp.

BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA

DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

CTCP CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA